

Số: 93 /BC-SYT

Kiên Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRONG QUẢN LÝ KHÁM, CHỮA BỆNH VÀ THANH TOÁN BẢO HIỂM Y
TẾ TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ
NĂM 2018 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh tại tỉnh Kiên Giang trước năm 2016.

1. Nhân lực công nghệ thông tin:

- Tuyến tỉnh: Cơ bản đáp ứng nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) như: Bệnh viện đa khoa tỉnh thành lập phòng công nghệ thông tin và Bệnh viện Y học cổ truyền có bố trí 2 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

- Tuyến huyện: Bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin còn thiếu, có đơn vị chỉ có 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

- Tuyến xã: Không có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các trạm Y tế (TYT) và phòng khám đa khoa khu vực (PKĐKKV), cán bộ Y tế sử dụng thành thạo CNTT chưa nhiều.

2. Hạ tầng công nghệ thông tin:

- Tuyến tỉnh: Đường truyền nội bộ qua thời gian sử dụng chưa nâng cấp nên xảy ra tình trạng xi hao ảnh hưởng đến tình hình ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh.

- Tuyến huyện: Hệ thống hạ tầng CNTT tại một số BVĐK, TTYT chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đường truyền Internet trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh. Trang thiết bị máy tính ở một số đơn vị không đủ số lượng, không đảm bảo chất lượng nên chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Tuyến xã: Sử dụng đường truyền cáp đồng, trang thiết bị máy tính ở một số xã không đủ số lượng, không đảm bảo chất lượng nên chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Triển khai ứng dụng phần mềm trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế:

- Tuyến tỉnh:

+ BVĐK tỉnh sử dụng phần mềm Ykhoa.net do Công ty TNHH MTV tin học Nguyên Khôi cung cấp.

+ BV YHCT tỉnh sử dụng phần mềm Netcom do Viện YHCT TPHCM chuyển giao.

2 BV trên có sử dụng phần mềm nhưng chỉ thực hiện cục bộ trong nội bộ BV, không kết nối liên thông dữ liệu trong toàn tỉnh và cả nước theo yêu cầu.

BV YHCT cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý khám, chữa bệnh; riêng BVĐK tỉnh vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo của BHYT và BHXH Việt Nam.

- Tuyến huyện:

+ Các Cơ sở KCB có sử dụng phần mềm nhưng thực hiện cục bộ, không liên thông dữ liệu KCB giữa các tuyến cơ sở và kết nối thanh toán BHYT.

+ Hệ thống mạng nội bộ tại một số đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đường truyền Internet nên ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng phần mềm.

- Tuyến xã:

+ Tất cả các cơ sở KCB tuyến xã đều không có sử dụng phần mềm, cán bộ y tế **phải thực hiện thủ công** tất cả các công việc để hàng tháng thống kê, báo cáo theo mẫu thanh quyết toán BHYT;

+ Các dữ liệu khám chữa bệnh của bệnh nhân không liên thông được giữa các tuyến cơ sở nên chưa quản lý được tình trạng lạm dụng BHYT lãnh thuốc nhiều nơi trong cùng một ngày.

4. Nhận xét, đánh giá chung.

4.1 Kết quả đạt được.

Nhìn chung công tác ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở KCB tuyến tỉnh và tuyến huyện từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng được một phần yêu cầu trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT cục bộ tại đơn vị.

4.2 Tồn tại, hạn chế:

- Nhân lực công nghệ thông tin còn thiếu, yếu chưa đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh nhất là tuyến huyện mà đặc biệt là tuyến xã;

- Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đường truyền Internet và thiết bị máy tính, nên ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng phần mềm;

- Hầu hết các phần mềm của các cơ sở KCB tuyến tỉnh và tuyến huyện đang sử dụng chưa đáp ứng được yêu cầu trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT nhất là trích truyền dữ liệu, liên thông trong toàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Tất cả các cơ sở KCB tuyến xã đều không có sử dụng phần mềm, **phải thực hiện thủ công** nên tất cả các công việc như thống kê, báo cáo, thanh quyết toán BHYT... gặp khó khăn và đương nhiên là không thể trích truyền dữ liệu, liên thông quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT được.

II. Kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế từ năm 2016 đến năm 2017.

1. Các căn cứ và sự cần thiết triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế.

- Chính Phủ ban hành Nghị quyết số 36a/NQ-CP Ngày 14 tháng 10 năm 2015, về Chính Phủ điện tử, theo đó đã giao cho Bộ Y tế kết nối hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế qua mạng điện tử trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Công văn số 1710/VPCP-KGVX ngày 16 tháng

3 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc tin học hóa trong thực hiện giám định thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

- Bộ Y tế đã ban hành công văn số 8623/BYT-BH ngày 09/11/2015 về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Kế hoạch số 193/KH-BYT ngày 17 tháng 03 năm 2016 về việc đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế; Kế hoạch số 266/KH-BYT ngày 10/03/2017 của Bộ Y tế về việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý Khám chữa bệnh và thanh toán BHYT năm 2017.

- Theo đó UBND tỉnh Kiên Giang có công văn số 3200/VP-VHXXH ngày 28 tháng 6 năm 2016, về việc chỉ đạo triển khai thực hiện tin học hóa trong giám định BHYT.

Từ việc đánh giá thực trạng về kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế ứng dụng CNTT trong quản lý Khám chữa bệnh và thanh toán BHYT trước 2016 và chỉ đạo của Chính Phủ, Bộ Y tế, UBND tỉnh, cũng như nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT của ngành Y tế ở tất cả các lĩnh vực như quản lý nhà nước, phòng bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khỏe cộng đồng... nói chung và quản lý Khám chữa bệnh, thanh toán BHYT nói riêng là rất cần thiết hiện nay.

2. Các bước triển khai và kết quả đạt được.

2.1. Các bước triển khai

- Thực hiện theo chỉ đạo của Chính Phủ, Bộ Y tế và UBND tỉnh, Sở Y Tế đã xây dựng kế hoạch số 260/KH-SYT ngày 17/02/2016 về việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán BHYT trong năm 2016 trên địa bàn toàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 1111/SYT-VP ngày 17/07/2016 của Sở Y tế về việc hướng dẫn áp dụng bộ mã danh mục dùng chung; Công văn số 1495/SYT-VP ngày 05/10/2016 của Sở Y tế về việc hướng dẫn điều chỉnh mã DMDC và chi tiêu dữ liệu đầu ra; Kế hoạch số 731/KH-SYT thực hiện Kế hoạch số 266/KH-BYT ngày 10/03/2017 của Bộ Y tế về việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý Khám chữa bệnh và thanh toán BHYT năm 2017; Công văn số 1919/SYT-VP ngày 05/10/2017 về việc triển khai Quyết định 4210/QĐ-BYT; Công văn số 2105/SYT-VP ngày 8/11/2017 về bổ sung Phụ lục theo Quyết định 4210/QĐ-BYT và Công văn số 2077/SYT-VP ngày 06/11/2017 về việc báo cáo gửi dữ liệu chi phí khám, chữa bệnh trên Hệ thống thông tin giám định BHYT.

- Theo đó Sở Y tế đã phối hợp với tập đoàn VNPT Kiên Giang triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán BHYT cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2016 đến 30/05/2016 đã khảo sát đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán BHYT ở tất cả các cơ sở Y tế từ xã đến huyện.

Từ tháng 06/2016 đã tập huấn, trang bị máy tính, chuyển đổi nâng cấp đường truyền Internet từ cáp đồng sang cáp quang cho các cơ sở KCB để đáp ứng được tình hình sử dụng phần mềm quản lý KCB và triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán BHYT bằng phần mềm VNPT-HIS ở

các cơ sở khám chữa bệnh và đi vào hoạt động ổn định từ tháng 01/2017 (trừ BVĐK tỉnh và BV YHCT vì 2 đơn vị này sử dụng phần mềm riêng).

2.2. Kết quả đạt được.

2.2.1. Tuyển xã, tuyển huyện:

*** Đối với các cơ sở khám chữa bệnh tuyển xã/phường/thị trấn:**

- Toàn tỉnh hiện có 143/145 cơ sở KCB tuyển xã (129 Trạm y tế xã/phường/thị trấn và 14 phòng khám khu vực, trong đó: 136 cơ sở KCB có khám BHYT, 07 cơ sở KCB chưa thực hiện KCB BHYT).

- Đến ngày 31/12/2017 có 136 Cơ sở KCB tuyển xã/phường/thị trấn đã đưa vào khai thác vận hành ổn định phần mềm VNPT-HIS ứng dụng trong công tác quản lý KCB và thanh toán BHYT đáp ứng được qui định của Bộ Y tế và BHXH VN.

*** Đối với các Cơ sở khám chữa bệnh tuyển huyện:**

- Triển khai hai đường truyền cáp quang chạy song song (Metronet và internet tốc độ cao) để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt. Cụ thể VNPT Kiên Giang đã phối hợp nâng cấp tốc độ đường truyền internet, đầu nối 15/15 đường truyền metronet 2M cho 11 BVĐK và 4 TTYT tuyển huyện/thị/tp, trang bị tổng cộng 15 thiết bị modem Draytek có chức năng chạy song song cùng lúc 2 đường truyền đảm bảo cho việc dự phòng khi xảy ra sự cố.

- Về kết nối các thiết bị cận lâm sàng: VNPT Kiên Giang đã phối hợp với các khoa cận lâm sàng của các Bệnh viện/TTYT và PKĐK khu vực thực hiện kết nối các máy xét nghiệm để trả kết quả tự động trực tiếp cho bệnh nhân trên phần mềm với tổng số máy xét nghiệm được kết nối là 47 máy.

.....- Đến ngày 31/12/2017 có 11 Bệnh viện và 04 TTYT KCB tuyển huyện đã nâng cấp phần mềm KCB VNPT- HIS đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông dữ liệu và thanh toán BHYT theo Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/09/2017 và Công văn số 6175/BYT-BH ngày 30/10/2017 của Bộ Y tế.

- Ngoài ra hệ thống quản lý Y tế cơ sở (YTCS) được tích hợp vào phần mềm VNPT-HIS nên có đầy đủ chức năng đảm bảo công tác quản lý khám chữa bệnh, quản lý YTCS, Y tế dự phòng, đáp ứng đầy đủ Quyết định 831/QĐ-BYT về quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, Thông tư 27/2014/TT-BYT, thông tư 32/2014/TT-BYT về các biểu mẫu và chỉ tiêu thống kê; Liên thông dữ liệu đáp ứng các báo cáo phục vụ cho Sở Y tế và Bộ Y tế trên Công dữ liệu y tế. Đồng thời còn thực hiện dịch vụ nhắn tin nhắc lịch của các chương trình (tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe, chương trình dinh dưỡng) hỗ trợ thông báo tới từng gia đình một cách nhanh chóng, từ đó giúp giảm chi phí và nhân lực.

2.2.2. Tuyển tỉnh:

- Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh đã nâng cấp phần mềm Netcom Viện YHCT TPHCM cơ bản đã đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông dữ liệu và thanh toán BHYT theo Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/09/2017 và Công văn số 6175/BYT-BH ngày 30/10/2017 của Bộ Y tế.

- BVĐK tỉnh sử dụng phần mềm Y khoa.net chưa đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông dữ liệu và thanh toán BHYT theo Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/09/2017 và Công văn số 6175/BYT-BH ngày 30/10/2017 của Bộ Y tế.

Hiện nay theo chỉ đạo của UBND tỉnh VNPT Kiên Giang đã bắt đầu khảo sát để nâng cấp hoàn thiện hạ tầng CNTT, giới thiệu demo giải pháp phần mềm VNPT-HIS cho BVĐK tỉnh Kiên Giang.

3. Tồn tại hạn chế và kiến nghị

3.1. Tồn tại, hạn chế

Song song với kết quả đạt được như đã nêu trên thì vẫn còn những tồn tại, hạn chế đó là:

- Việc chuẩn hóa dữ liệu danh mục dùng chung tại cơ sở y tế đang gặp khó khăn do bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế đưa ra chưa đầy đủ nhất là mã và tên thuốc, dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế.

- Chưa có hướng dẫn thực hiện cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin, chưa quy định giá thuê, kết cấu giá dịch vụ công nghệ thông tin vào cơ chế giá dịch vụ y tế và chưa có qui định nguồn chi, nên các cơ sở Y tế gặp khó khăn trong chi trả trong thuê dịch vụ.

- Các hệ thống phần mềm phải chỉnh sửa, bổ sung liên tục để đáp ứng theo các thay đổi của Bộ Y tế và BHXH Việt Nam.

- Các máy tính được mua sắm ở nhiều thời điểm khác nhau nên một vài nơi còn yếu về cấu hình, thiếu về số lượng nên không đáp ứng được yêu cầu.

- Hạ tầng viễn thông, điện, đặc biệt là tại vùng hải đảo chưa ổn định dẫn đến chậm trễ trong việc đẩy dữ liệu lên cổng giám định BHYT hàng ngày theo yêu cầu của Bộ Y tế.

- Chưa thành lập được tổ/phòng hoặc Trung tâm Công nghệ thông tin tại Sở Y tế để quản lý tốt công tác ứng dụng CNTT của toàn Ngành Y tế.

3.2. Kiến nghị

Để đáp đầy đủ chức năng ứng dụng CNTT một cách toàn diện của Ngành Y tế trong toàn tỉnh trong thời gian tới chúng tôi có các kiến nghị như sau:

* Đối với Bộ Y tế:

- Sớm cập nhật đầy đủ, ổn định mã và tên thuốc, dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế của danh mục dùng chung để các cơ sở KCB cập nhật vào phần mềm quản lý khám, chữa bệnh, điều chỉnh phần mềm kết xuất dữ liệu đúng quy định của Bộ Y tế dễ dàng hơn.

- Cần có qui định, hướng dẫn thực hiện cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin, giá thuê, nguồn chi và kết cấu giá dịch vụ công nghệ thông tin vào cơ chế giá dịch vụ y tế để có kinh phí chi trả.

* Đối với UBND tỉnh, Sở Y tế:

- Cần trang bị đầy đủ máy tính, đảm bảo cấu hình để ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở Y tế.

- Cần đảm bảo hạ tầng viễn thông, điện, đặc biệt là tại vùng hải đảo ổn định để đẩy dữ liệu lên cổng giám định BHYT hàng ngày theo yêu cầu của BHYT và BHXH Việt Nam.

- Giao thêm biên chế và cấp kinh phí để trang bị và thành lập tổ/phòng hoặc Trung tâm Công nghệ thông tin tại Sở Y tế.

III. Phương hướng và nhiệm vụ năm 2018 và những năm tiếp theo.

Để năm 2018 và những năm tiếp theo triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT nói riêng và các lĩnh vực khác nói chung, từng bước quản lý thông minh của ngành Y tế theo Nghị quyết số 20 hội nghị lần thứ sáu của BCH TW Đảng khóa XII, Chương trình hành động số 33 của Tỉnh Ủy và chỉ đạo của UBND tỉnh, cần tập trung một số nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực sử dụng công nghệ thông tin:

- Đảm bảo tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực sử dụng CNTT trong toàn tỉnh theo định hướng:

+ Sở Y tế: thành lập tổ/phòng hoặc Trung tâm Công nghệ thông tin.

+ Các cơ sở điều trị tuyến tỉnh, huyện: thành lập tổ/phòng Công nghệ thông tin.

+ Các cơ sở Y tế tuyến tỉnh, huyện không thuộc khối điều trị: phải có cán bộ CNTT đạt chuẩn.

+ Các trạm Y tế: cán bộ Y tế phải sử dụng thành thạo CNTT để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Để đảm bảo được tổ chức bộ máy, đủ số lượng và đạt chất lượng nguồn nhân lực sử dụng CNTT cần phải: rà soát lại bộ máy và nguồn nhân lực để chỉ đạo thực hiện; thu nhận, đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu theo qui định.

2. Hạ tầng công nghệ thông tin:

- Đảm bảo trang bị đầy đủ máy tính, đạt cấu hình để ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở Y tế.

- Đảm bảo hạ tầng viễn thông, điện ở tất cả các cơ sở Y tế trong toàn tỉnh, đặc biệt là tại vùng hải đảo, vùng sâu, vùng xa để ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở được thông suốt, liên tục 24/24.

Do vậy, phải tiếp tục đầu tư, trang bị cho các cơ sở Y tế khi chưa đạt yêu cầu.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở Y tế của tỉnh Kiên Giang:

3.1. Định hướng chung:

Triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và thực hiện chuyên môn; nghiệp vụ thông minh của toàn ngành Y tế Kiên Giang và kết nối trong cả nước.

3.2. Nội dung cụ thể:

- Đảm bảo kết nối thông suốt, liên tục 24/24 từ Y tế xã đến huyện, tỉnh và cả nước để quản lý toàn diện, cũng như trích truyền dữ liệu, báo cáo ở các cấp theo qui định của Bộ Y tế.

- Từng bước triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành và thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ thông minh của ngành Y tế một cách toàn diện, cụ thể như sau:

+ Tiếp tục triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT năm 2018 theo kế hoạch Bộ Y tế đã đề ra cho toàn tỉnh, đặc biệt là tập trung cho BVĐK tỉnh để đảm bảo thanh toán trực tuyến vào ngày 01 tháng 05 năm 2018; gắn với quản lý ở lĩnh vực dược, cận lâm sàng nhất là liên thông công nhận kết quả xét nghiệm theo lộ trình của Bộ Y tế.

+ Tiếp tục triển khai khai ứng dụng CNTT trong quản lý ở các lĩnh vực trong năm 2018 và những năm tiếp theo cụ thể như sau: quản lý nhân lực; cơ sở vật chất, trang thiết bị; dịch bệnh, tiêm chủng, các chương trình mục tiêu quốc gia; dân số; quản lý sức khỏe cộng đồng...

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý KCB và thanh toán BHYT năm 2016-2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 và những năm tiếp theo trên địa bàn toàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VNPT Kiên Giang;
- BGĐ SYT;
- Các phòng chức năng SYT;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Lưu: VT, pvphuc.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Văn Phúc